

CÔNG TY TNHH TOP PRECISION
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TOP PRECISION

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TOP PRECISION LIMITED COMPANY

Tên công ty viết tắt: TOP PRECISION CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0107974100

3. Ngày thành lập: 22/08/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 88 LK23 Khu đô thị Vân Canh HUD, Xã Vân Canh, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0962 248 173

Fax:

Email: hungdk.top@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) Thiết bị phát thanh, truyền hình và thông tin liên lạc chuyên môn	7730
2.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
3.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
4.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
5.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	0899
6.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
7.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
8.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
9.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
10.	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất xe kéo bằng động vật: xe lừa kéo, xe tang - Xe cút kít, xe kéo tay, xe đẩy trong siêu thị và tương tự	3099
11.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
12.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
13.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
14.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
15.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773

16.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
17.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
18.	Cơ sở lưu trú khác	5590
19.	Bán buôn thực phẩm	4632
20.	Khai thác quặng sắt	0710
21.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
22.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
23.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên	0910
24.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
25.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
26.	Bốc xếp hàng hóa	5224
27.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
28.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
29.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
30.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng	4659
31.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
32.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
33.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
34.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
35.	Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa	1702
36.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
37.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
38.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa	4610
39.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
40.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
41.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
42.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
43.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
44.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động bán đấu giá tài sản)	4530
45.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080

46.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
47.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
48.	Dịch vụ đóng gói	8292
49.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
50.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
51.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
52.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
53.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
54.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
55.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
56.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
57.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
58.	Khai thác và thu gom than non	0520
59.	Khai thác khí đốt tự nhiên	0620
60.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
61.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
62.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
63.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
64.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
65.	Xây dựng nhà các loại	4100
66.	Điều hành tua du lịch	7912
67.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
68.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
69.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592(Chính)
70.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
71.	Sản xuất sợi	1311
72.	Bán buôn tổng hợp	4690
73.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
74.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
75.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
76.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động bán đấu giá tài sản)	4543
77.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
78.	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)	1322
79.	Phá dỡ	4311
80.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810

81.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
82.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
83.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
84.	Xây dựng công trình công ích	4220
85.	Đại lý du lịch	7911
86.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
87.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
88.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
89.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
90.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
91.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
92.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
93.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe	2930
94.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
95.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
96.	Cho thuê xe có động cơ	7710
97.	Khai thác và thu gom than bùn	0892

6. Vốn điều lệ: 3.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	ĐINH KIỀU HUNG	Số 68, tổ 4, đường K2, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	600.000.000	20,000	019083000019	
2	NGUYỄN ĐỨC THẬT	Thôn Hiền Tụng, Xã Hiền Thành, Huyện Kinh Môn, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	600.000.000	20,000	142380907	
3	PHẠM VĂN HỢP	Thôn Kỳ Sơn, Xã Tân Trào, Huyện Kiến Thụy, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	600.000.000	20,000	031088006163	

4	MẠC NHƯ LONG	141 - Thôn Quán Rẽ, Xã Mỹ Đức, Huyện An Lão, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	600.000.000	20,000	031463272	
5	TRẦN BÁ HIẾU	Xóm 7, Xã Nghi Đồng, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	600.000.000	20,000	182469227	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN ĐỨC THẬT

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *06/08/1989*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *142380907*

Ngày cấp: *26/02/2011*

Nơi cấp: *Công an tỉnh Hải Dương*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Hiền Tụng, Xã Hiến Thành, Huyện Kinh Môn, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Hiền Tụng, Xã Hiến Thành, Huyện Kinh Môn, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*